

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Đoàn Trung Tuyển.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm X xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm X xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09-5-2024, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông và bà Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15-5-2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp

nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Lê Thị N. Vợ chồng chưa có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 28-5-2024, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15-5-2018. Sau ngày cưới, vợ chồng không thường xuyên chung sống với nhau do bà thường xuyên phải đi làm xa nhà; nay ông Đ có đơn ly hôn bà không đồng ý. Vợ chồng chưa có con chung và không có tài sản.

Tại biên bản làm việc ngày 04-6-2024, ông Lê Văn H trình bày: Ông là bố đẻ của chị Lê Thị N. Ông Đ và bà N kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G; vợ chồng chưa có con chung. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau; nay ông Đ có đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 04-6-2024, đại diện chính quyền địa phương xã G cung cấp: Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2018. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà N thường xuyên đi làm xa. Ông Đ và bà N chưa có con chung và không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay ông Đ có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G vào ngày 15/5/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà N thường đi làm xa, không hợp nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà N mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của ông Đ xin ly hôn bà N là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà N chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; do ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông Đ, bà N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Phạm Văn Đ .
3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiền**